

Số: /BC-SYT

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực Quý I năm 2024

Thực hiện Thông tư số 01/2024/TT-TTCP ngày 20/01/2024 của Thanh tra Chính phủ, quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; Sở Y tế báo cáo kết quả thực hiện như sau:

PHẦN I: BÁO CÁO CÔNG TÁC THANH TRA

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thanh tra hành chính (số liệu tại các biểu số: 01/TTr, 02/TTr, 02/QLNN)

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra (Biểu số 01/TTr): *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

b) Kết luận thanh tra (Biểu số 01/TTr): *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

c) Kết quả thực hiện kết luận thanh tra (Biểu số 02/TTr): *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

d) Thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra (Biểu số 02/QLNN): *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

đ) Kết quả thanh tra trên một số lĩnh vực (*chỉ áp dụng đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm*)

- Lĩnh vực Quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng (Biểu số 03/TTr);

- Lĩnh vực Quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách (Biểu số 04/TTr);

- Lĩnh vực Quản lý, sử dụng đất (Biểu số 05/TTr);

- Lĩnh vực khác (nếu cần thiết);

- Đối với từng lĩnh vực trên phải nêu rõ: Số cuộc thanh tra, số đơn vị được thanh tra, nội dung thanh tra chủ yếu, các vi phạm điển hình, kiến nghị xử lý (về kinh tế, về trách nhiệm, về hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật...).

- Kết quả thanh tra lại (nếu có);

- Kết quả thanh tra chuyên đề (nếu có): Tóm tắt kết quả thanh tra chuyên đề theo các tiêu chí nêu trên.

2. Thanh tra chuyên ngành (Biểu số 06/TTr, 07/TTr)

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ báo cáo: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra

- Số tổ chức, cá nhân vi phạm: 52 cơ sở (trong đó nhắc nhở 50 cơ sở; xử phạt 02 cơ sở).

- Nội dung vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra:

+ Về kinh tế: Tổng số tiền vi phạm 13.500.000 đồng; số tiền kiến nghị thu hồi 13.500.000 đồng (về ngân sách nhà nước); số tiền kiến nghị xử lý khác: 00 đồng

+ Về xử lý vi phạm: Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành: 02 (cá nhân); số tiền xử phạt vi phạm hành chính 13.500.000 đồng (của cá nhân); xử phạt bằng hình thức khác (số tổ chức, cá nhân): 00 đồng; chuyển cơ quan điều tra xử lý (số vụ, số đối tượng): 00.

c) Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử phạt qua thanh tra, kiểm tra

- Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (số tiền vi phạm đã thu hồi; số tiền vi phạm đã xử lý khác);

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính (số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu: 13.500.000 đồng; số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác): 00.

- Xử lý hình sự: Số vụ, số đối tượng đã khởi tố: 00

3. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra (Biểu số 02/QLNN)

- Số văn bản (quản lý, chỉ đạo) về thanh tra mới được ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ: *Không.*

- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra được tổ chức; tổng số người tham gia: 53 người/1 lớp.

4. Xây dựng lực lượng (chỉ áp dụng đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm - Biểu số 01/QLNN)

- Tổng số công chức, viên chức, người lao động trong kỳ báo cáo (số thanh tra viên cao cấp, thanh tra viên chính, thanh tra viên và tương đương, ...): 1 Thanh tra viên chính; 02 thanh tra viên và 01 công chức thanh tra.

- Biến động tăng, giảm số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ báo cáo: *Không.*

- Số người được chuyển đổi vị trí công tác/ số người phải chuyển đổi theo kế hoạch: *Không.*

- Tổng số nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngành Thanh tra và số đã thực hiện (trong đó phân loại các khóa đào tạo nghiệp vụ: Thanh tra viên, thanh tra viên chính, thanh tra viên cao cấp, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các nghiệp vụ liên quan khác): *Không*.

- Số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có vi phạm và kết quả xử lý (tổng số cá nhân vi phạm, đã xử lý, đang và chưa xử lý): *Không*.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá về kết quả, tồn tại, hạn chế trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thanh tra: Về mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra (số cuộc hoàn thành, số cuộc theo kế hoạch, số cuộc chậm ban hành kết luận thanh tra); về thanh tra đột xuất, thanh tra lại, thanh tra chuyên đề; về công tác đôn đốc, xử lý sau thanh tra và những nội dung khác có liên quan.

a) Ưu điểm:

Kế hoạch thanh tra y tế năm 2024 được phê duyệt từ cuối năm 2023 theo quy định; tổ chức thực hiện theo tiến độ được quy định trong kế hoạch.

b) Tồn tại: không.

2. Đánh giá kết quả, tồn tại, hạn chế trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra: *Không*.

- Việc rà soát, chỉnh sửa, bãi bỏ, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh tra:

Công tác ban hành văn bản chỉ đạo công tác thanh tra, tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng kịp thời; góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, bộ phận tham mưu có liên quan.

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về thanh tra: 01 lớp/53 người.

- Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác; thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra;

- Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, người lao động trong cơ quan thanh tra; hợp tác quốc tế về công tác thanh tra (nếu có);

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành:

Thực hiện báo cáo đúng yêu cầu về thời gian, nội dung của cơ quan cấp trên và cơ quan có liên quan.

3. Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước,

quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thanh tra:

Chấn chỉnh mặt hạn chế trong việc chấp hành pháp luật của các Đơn vị trực thuộc, các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Qua kiểm tra, phát hiện bất cập trong việc thi hành pháp luật để kiến nghị cấp có thẩm quyền.

4. Nguyên nhân của những kết quả, của tồn tại, hạn chế (chủ quan, khách quan)

5. Bài học kinh nghiệm (*chỉ áp dụng đối với báo cáo hằng năm*)

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) TRONG KỲ TIẾP THEO

- Giải quyết đơn thư .
- Kiểm tra hành nghề y, dược tư nhân, kiểm tra y tế công lập.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT: *Không.*

PHẦN II. BÁO CÁO NỘI DUNG VỀ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

1. Tình hình khiếu nại, tố cáo

a) Về khiếu nại: Quý 1/2024 phát sinh 01 đơn khiếu nại = 01 đơn khiếu nại so cùng kỳ năm 2023.

b) Về tố cáo: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại: Khiếu nại về quy trình khám chữa bệnh (khiếu nại sai).

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

1. Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD)

- Tổng số lượt tiếp, số người được tiếp; số vụ việc (tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần); số đoàn đông người được tiếp (số đoàn, số người, tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần), ...: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

- Kết quả tiếp công dân của của thủ trưởng (trực tiếp và ủy quyền); trong đó làm rõ kết quả tiếp công dân định kỳ của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các cấp (so với quy định của Luật Tiếp công dân): *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD)

Gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (người viết đơn gửi qua dịch vụ bưu chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến theo quy định, ...)

a) Tổng số đơn: Kỳ trước chuyển sang, tiếp nhận trong kỳ: 05 đơn.

- Số đơn đã xử lý/ Tổng số đơn tiếp nhận: 4/5 (Đã xử lý 02 đơn; 02 đơn không thụ lý do đơn vị đã và đang xử lý)

- Số đơn, số vụ việc đủ điều kiện xử lý: 03

b) Phân loại, xử lý đơn

- Phân loại theo nội dung:

+ Số đơn, số vụ việc khiếu nại: 01.

+ Số đơn, số vụ việc tố cáo: 00.

+ Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh: 04

- Phân loại theo tình trạng giải quyết

+ Số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 02.

+ Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết: 01.

c) Kết quả xử lý đơn

- Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 03.

- Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 02.

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ)

Tổng số đơn, số vụ việc (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) đã giải quyết/ tổng số đơn, số vụ việc (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết.

a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ)

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn: 01/01, số vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết: 100/100.

- Tổng hợp quyết định giải quyết khiếu nại đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, chuyển cơ quan điều tra...: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc khiếu nại lần đầu, lần 2, việc chấp hành thời hạn giải quyết khiếu nại;

- Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại: Số quyết định phải thực hiện, số quyết định đã thực hiện xong; qua thực hiện đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm, đã khởi tố...

b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ)

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn, số vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết;

- Tổng hợp kết luận nội dung tố cáo đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, ...;

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc tố cáo lần đầu, tố cáo tiếp, việc chấp hành thời hạn giải quyết tố cáo;

- Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo: Số kết luận phải thực hiện, số kết luận đã thực hiện xong; số tiền, đất đã thu hồi cho nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm, ...

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh (04/XLD)

- Tổng số vụ việc đã giải quyết/tổng số vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết: 2/3 đơn.

4. Bảo vệ người tố cáo (nếu có)

Tổng số người được bảo vệ: *Không phát sinh.*

5. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo (03/QLNN)

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo

b) Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế, ban hành văn bản chỉ đạo điều hành và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

- Số văn bản ban hành mới, sửa đổi bổ sung, hủy bỏ: *Không.*

- Tập huấn tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo (số lớp, số người): 53 người/1 lớp.

c) Thanh tra trách nhiệm (tổng số cuộc, tổng số đơn vị được thanh tra, số đơn vị có vi phạm), kiến nghị xử lý trách nhiệm (hành chính, chuyên cơ quan điều tra); đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý: Tổng số kết luận thực hiện, kết quả thực hiện (số tổ chức, cá nhân đã xử lý hành chính, khởi tố).

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm, kết quả

- Sự chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên của Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Qua kết quả giải quyết đơn thư, phổ biến, triển khai rút kinh nghiệm cho toàn ngành.

- Công tác tuyên truyền được triển khai thường xuyên, lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của đơn vị.

- Quản lý giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân được thực hiện trên phần mềm, thuận lợi trong việc truy xuất.

- Tiếp nhận, xử lý nhanh thông tin phản ánh qua hệ thống Đường dây nóng xua tỉnh, Bộ Y tế.

2. Tồn tại, hạn chế: Vẫn còn xảy ra đơn khiếu nại và đơn phản ánh.

3. Nguyên nhân: Thiếu công khai trong hoạt động của đơn vị, đặc biệt các nội dung liên quan tài chính hoặc công khai không đầy đủ; quản lý chuyên môn còn thiếu sót.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới là do thiếu công khai hoặc công khai hoạt động của đơn vị không đầy đủ; không thực hiện đúng quy định, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KỲ TIẾP THEO

1. Công tác tiếp công dân:

- Duy trì tiếp công dân của Giám đốc sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị.

- Tăng cường công tác tiếp công dân ngay tại cơ sở, tập trung các khoa phòng tiếp xúc trực tiếp người bệnh, thân nhân. Phát huy Đường dây nóng tại các cơ sở y tế. Giải quyết kịp thời những vướng mắc, bức xúc của người dân và của cán bộ, nhân viên y tế nhằm hạn chế thấp nhất đơn thư.

2. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Tổ chức tuyên truyền cho CCVC về pháp luật khiếu nại, tố cáo. Nâng cao ý thức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế.

- Giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo theo quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Tăng cường đối thoại, giải thích với công dân.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không.

PHẦN III: BÁO CÁO NỘI DUNG VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ

trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách):

Sở Y tế không có cơ quan chuyên trách; công tác phòng, chống tham nhũng được giao cho Thanh tra sở.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

Thông qua Ngày pháp luật, các đơn vị tổ chức tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng qua hình thức tuyên truyền trực tiếp.

e) Kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (số cuộc thanh tra, kết quả phát hiện và xử lý vi phạm qua thanh tra)

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động:

Sở Y tế đã tổ chức và chỉ đạo các đơn vị thực hiện:

- Niêm yết công khai Bộ thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của đơn vị.

- Công khai các tiêu chuẩn tuyển dụng, nâng bậc lương trước thời hạn, các tiêu chí xét thi đua khen thưởng, các điều kiện để CB, CC, VC được đào tạo lại

.....

- Công khai việc đấu thầu cung ứng thuốc, mua sắm tài sản, trang thiết bị của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc; xây dựng định mức sử dụng văn phòng phẩm, nhiên liệu,. Phù hợp với từng khoa phòng, tổ đội.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Định mức, tiêu chuẩn, chế độ được xây dựng trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Y tế và 21 đơn vị trực thuộc (thông qua Hội nghị công chức, viên chức).

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn:

Không phát hiện hành vi vi phạm của người có chức vụ, quyền hạn trong thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt:

- Đến nay toàn ngành đã có toàn ngành có 148 thủ tục hành chính thuộc 17 lĩnh vực, được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở, địa chỉ <http://soyte.baria-vungtau.gov.vn/>. Thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình 35, một phần 65 thuộc các lĩnh vực: Khám bệnh, chữa bệnh, Dược phẩm, Mỹ phẩm, Trang thiết bị y tế, Tổ chức cán bộ, Đào tạo, nghiên cứu khoa học và Công nghệ môi trường, Y tế dự phòng, Giám định Y khoa, Quản lý môi trường y tế, An toàn thực phẩm.

- Hiện tại Sở Y tế và 21 đơn vị trực thuộc đều trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động qua tài khoản.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn năm 2023.

* kê khai tài sản, thu nhập:

- Số cơ quan, đơn vị thực hiện công khai theo hình thức niêm yết là 21/21 đơn vị, chiếm tỷ lệ 100%.

- Số người kê khai tài sản, thu nhập: trong năm: 67.

* Kết quả công khai:

- Số cơ quan, đơn vị thực hiện công khai theo hình thức niêm yết là 21/21. Đơn vị, chiếm tỷ lệ 100%;

- Số đơn vị thực hiện công bố bản kê khai, thu nhập của cá nhân tại cuộc họp là 0/21 đơn vị;

- Số đơn vị chưa thực hiện công khai hoặc thực hiện công khai chậm so với thời gian quy định: 00;

- Số bản kê khai được công khai: 67, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số bản kê khai, trong đó:

+ Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp: 0/67;

+ Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết: 67/67, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số bản đã công khai.

- Không có đơn thư phản ánh, tố cáo về kê khai tài sản, thu nhập không trung thực.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo: *Không phát sinh.*

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán;

- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán (Kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành...);

- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có)

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi quản lý của địa phương

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

g) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong ngành Thanh tra: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không thuộc thẩm quyền.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: *Không thuộc thẩm quyền.*

6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng: *Không phát sinh trong kỳ báo cáo.*

a) Việc thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

b) Kết quả thực hiện các hoạt động về nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong phòng, chống tham nhũng và các hoạt động hợp tác quốc tế khác về phòng, chống tham nhũng (nếu có)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG (*Báo cáo hằng Quý không phải báo cáo mục này*)

1. Đánh giá tình hình

a) Đánh giá tình hình tham nhũng tại địa phương và nguyên nhân:

Hệ thống văn bản pháp luật đấu thầu ngày càng chặt chẽ, dịch vụ công mức độ 3, 4 ngày càng tăng; hoạt động kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên nên không phát hiện hành vi tham nhũng.

b) So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước:

Cùng kỳ năm trước không phát hiện tham nhũng. Hiện tại không phát hiện hành vi tham nhũng.

2. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...)

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng:

Lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng: Công tác mua sắm thiết bị y tế, vật tư y tế.

Giải pháp phòng ngừa: Thực hiện đúng quy trình mua sắm. Tổ chức kiểm tra, giám sát.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương:

Công tác phòng, chống tham nhũng được chú trọng, các giải pháp, biện pháp phòng ngừa được triển khai đồng bộ nên công tác PCTN đạt được kết quả khả quan.

2. So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước:

Nhận thức của cán bộ, nhân viên ngày càng cao, đặc biệt là người đứng đầu trong công tác phòng, chống tham nhũng. Công tác phòng ngừa tham nhũng được đẩy mạnh. Giám sát của nhân viên trong hoạt động của cơ quan, đơn vị ngày càng rõ nét.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

Các biện pháp phòng ngừa được triển khai đồng bộ, như: Công tác mua sắm thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị y tế thực hiện đúng quy định; công tác cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh, số thủ tục hành chính dịch vụ công, mức độ 3,4 ngày càng tăng; kiểm soát tài sản ngày càng chặt chẽ.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: *Không*.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

a) Phương hướng chung trong thời gian tới:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác PCTN thông qua việc tăng cường tuyên truyền các quy phạm pháp luật về PCTN.

- Tập trung công tác phòng ngừa tham nhũng.

b) Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện:

Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng chống tham nhũng tại các đơn vị trực thuộc.

c) Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế.

2. Kiến nghị, đề xuất: Không.

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng Quý I năm 2024 của Sở Y tế./.

(Đính kèm biểu thống kê số: 01/TTr, 02/TTr, 03/TTr, 04/TTr, 05/TTr, 06/TTr, 07/TTr, 01/TCD, 02/TCD, 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD, 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ, 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN, 01/QLNHN, 02/QLNN, 03/QLNN).

Nơi nhận :

- Như trên;
- GD và các PGD SYT ;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc (th/h);
- Các Phòng CM SYT (th/h);
- Lưu: VT, Ttra.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Chí Tình

